

SỞ Y TẾ HUNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 06 tháng 5 năm 2022

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 128/2022/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC.

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Pedia.

Do Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn: QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”; QCVN 8-3:2012/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; QCVN 11-3:2012/BYT “Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi; Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 72-Belimil Colostrum Pedia/2022-TCSX-Bio Organic.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Website: antoanthucphamhungyen.vn;
- Lưu trữ: VP./.



CHI CỤC TRƯỞNG

Đỗ Mạnh Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 36 - Belimil Colostrum Pedia/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ : Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

E-mail :

Mã số doanh nghiệp: 0108117821 Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên cấp ngày 09/9/2021

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK. Ngày cấp/Nơi cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hưng Yên.



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Pedia** (Dinh dưỡng dành cho trẻ từ 1 – 10 tuổi)

2. Thành phần:

Sữa bột béo tan nhanh, Đạm whey cô đặc, Đường (Lactose, Dextrose, Maltodextrin), HMO (2-Fucosyllactose), Sữa non, Lysine HCl, Chất xơ (FOS/OLIGOMATE-55NPP), Choline, Taurine, DHA, Bột yến sào, Bột óc chó, Enzym (Protease, Amylase, Cellulose, Lipase, Lactase). Khoáng chất (Canxi Carbonate, Photpho Photphate, Magie Sulphate, Sắt Sulphate, Kẽm Sulphate, Mangan sulphate, Selen, Kali iodua, Natri Selenit, I-ốt, Clorid). Các (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K2 (MK7), Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3 (nicotinamid), Vitamin B5 (Axit Pantothenic), Vitamin B6, Vitamin B12, Axit folic, Biotin (Vitamin H). Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	454,48 ± 30%
Đạm whey cô đặc	g/100g	10,82 ± 30%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	43,28 ± 30%
Hydrat cacbon	g/100g	65 ± 30%
Năng lượng từ Hydrat cacbon	Kcal/100g	260 ± 30%
Chất béo	g/100g	16,8 ± 30%
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	151,2 ± 30%
HMO (2'-Fucosyllactose)	mcg/100g	200 ± 30%
DHA	mg/100g	12 ± 30%
Lysine HCL	mg/100g	420 ± 30%
Chất xơ (FOS/OLIGOMATE-55NPP)	g/100g	1,5 ± 30%
Sữa non	mcg/100g	36.000 ± 30%
Bột yến sào	mg/100g	100 ± 30%
Bột óc chó	mg/100g	30 ± 30%
Choline	mg/100g	40 ± 30%
Taurine	mg/100g	27 ± 30%
Protease	Định tính	Dương tính
Amylase	Định tính	Dương tính
Cellulase	Định tính	Dương tính
Lipase	Định tính	Dương tính
Lactase	Định tính	Dương tính
Vitamin A	IU/100g	1250 ± 30%
Vitamin D3	IU/100g	255 ± 30%
Vitamin E	IU/100g	9 ± 30%
Vitamin C	mg/100g	40 ± 30%
Vitamin K2 (MK7)	mcg/100g	20 ± 30%
Vitamin B1	mcg/100g	220 ± 30%
Vitamin B2	mcg/100g	330 ± 30%
Vitamin B3 (nicotinamid)	mcg/100g	1160 ± 30%
Vitamin B5 (Axit Pantothenic)	mcg/100g	1580 ± 30%
Vitamin B6	mcg/100g	250 ± 30%

12
G
PH
DU
HQ
RG
1.1



Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Vitamin B12	mcg/100g	1,14 ± 30%
Axit Folic	mcg/100g	30 ± 30%
Biotin (Vitamin H)	mcg/100g	11 ± 30%
Canxi (Canxi)	mg/100g	450 ± 30%
Phospho	mg/100g	365 ± 30%
Magnesi	mg/100g	45 ± 30%
Sắt	mg/100g	7,31 ± 30%
Kẽm	mg/100g	3,28 ± 30%
Mangan	mcg/100g	11 ± 30%
Selen	mcg/100g	8 ± 30%
Natri	mg/100g	180 ± 30%
Kali	mg/100g	390 ± 30%
Clorid	mg/100g	320 ± 30%
Iod (I-ốt)	mcg/100g	35 ± 30%

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5.1. Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp

5.2. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy trắng bạc, thìa nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

- Địa điểm: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Điện thoại: 0389948784 Fax:.....

- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK

- Ngày cấp/Nơi cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hưng Yên

221
TY
AN
ONG
C
NIC
UNG

V
II CU
AN V
LIC P
HU

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)
IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic sản xuất, kinh doanh Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Pedia (Dinh dưỡng dành cho trẻ từ 1 – 10 tuổi) đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm 2010.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.
- QCVN 11-3: 2012/BYT Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất Số: 72- Belimil Colostrum Pedia/2022-TCSX- Bio Organic.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Phương

T
C
SINH
HÀM
H
C

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

BẢN TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ SẢN XUẤT

Số: 72- Belimil Colostrum Pedia/2022-TCSX- Bio Organic.

Đơn vị sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa điểm: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

Fax:.....

1. Sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Pedia (Dinh dưỡng dành cho trẻ từ 1 – 10 tuổi)

2. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng sữa đến màu vàng nhạt đặc trưng sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	454,48 ± 30%
Đạm whey cô đặc	g/100g	10,82 ± 30%
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	43,28 ± 30%
Hydrat cacbon	g/100g	65 ± 30%
Năng lượng từ Hydrat cacbon	Kcal/100g	260 ± 30%
Chất béo	g/100g	16,8 ± 30%
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	151,2 ± 30%
HMO (2'-Fucosyllactose)	mcg/100g	200 ± 30%
DHA	mg/100g	12 ± 30%
Lysine HCL	mg/100g	420 ± 30%
Chất xơ (FOS/OLIGOMATE-55NPP)	g/100g	1,5 ± 30%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Sữa non	mcg/100g	36.000 ± 30%
Bột yến sào	mg/100g	100 ± 30%
Bột óc chó	mg/100g	30 ± 30%
Choline	mg/100g	40 ± 30%
Taurine	mg/100g	27 ± 30%
Protease	Định tính	Dương tính
Amylase	Định tính	Dương tính
Cellulase	Định tính	Dương tính
Lipase	Định tính	Dương tính
Lactase	Định tính	Dương tính
Vitamin A	IU/100g	1250 ± 30%
Vitamin D3	IU/100g	255 ± 30%
Vitamin E	IU/100g	9 ± 30%
Vitamin C	mg/100g	40 ± 30%
Vitamin K2 (MK7)	mcg/100g	20 ± 30%
Vitamin B1	mcg/100g	220 ± 30%
Vitamin B2	mcg/100g	330 ± 30%
Vitamin B3 (nicotinamid)	mcg/100g	1160 ± 30%
Vitamin B5 (Axit Pantothenic)	mcg/100g	1580 ± 30%
Vitamin B6	mcg/100g	250 ± 30%
Vitamin B12	mcg/100g	1,14 ± 30%
Axit Folic	mcg/100g	30 ± 30%
Biotin (Vitamin H)	mcg/100g	11 ± 30%
Calci (Canxi)	mg/100g	450 ± 30%
Phospho	mg/100g	365 ± 30%
Magnesi	mg/100g	45 ± 30%
Sắt	mg/100g	7,31 ± 30%
Kẽm	mg/100g	3,28 ± 30%
Mangan	mcg/100g	11 ± 30%
Selen	mcg/100g	8 ± 30%
Natri	mg/100g	180 ± 30%

1811
 ỨNG
 Ồ PH
 H DƯ
 Y H
 0000
 11-1

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Kali	mg/100g	390 ± 30%
Clorid	mg/100g	320 ± 30%
Iod (I-ốt)	mcg/100g	35 ± 30%

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Chỉ tiêu an toàn

4.1. Giới hạn về vi sinh vật

Theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm (Theo nhóm Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn dặm cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Enterobacteriaceae	/10g	KPH
2	Salmonella	/25g	KPH

4.2. Giới hạn kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Thiếc (Sn)	mg/kg	250
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
5	Arsen (As)	mg/kg	0.5

4.3. Giới hạn về độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn về độc tố vi nấm trong thực phẩm (Theo nhóm thức ăn công thức/ Thức ăn dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Patuli	µg/kg	10
3	Fumonisin	µg/kg	200
4	Aflatoxin B1	µg/kg	0.1

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
5	Deoxynivalenol	µg/kg	200
6	Zearalenone	µg/kg	20
7	Ochratoxin A	µg/kg	0.5

4.4. Giới hạn về Melamin

Theo 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Melamin	mg/kg	2.5

4.5. Các tiêu chí khác

- **Dư lượng thuốc thú y:** Phù hợp với quy định dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14 tháng 08 năm 2013 của Bộ Y tế.
- **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp với quy định giới hạn dư lượng thuốc tối đa bảo vệ thực vật trên thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

5. Hướng dẫn sử dụng:

Công dụng:

- Bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng, giúp duy trì sức khỏe tổng thể.
- Giúp trẻ ăn ngon miệng, tăng cân hiệu quả.
- Giúp phát triển chiều cao và trí não.
- Giúp tăng cường sức đề kháng.
- Giúp hệ tiêu hoá khoẻ mạnh, cải thiện tình trạng táo bón.

Đối tượng sử dụng:

Dành cho trẻ từ 1-10 tuổi

Cách pha:

Một muỗng gạt ngang (tương đương 9.8gram) pha với 50ml nước

1. Pha ở nơi sạch sẽ. Rửa tay và dụng cụ pha thật sạch sẽ, đun sôi dụng cụ pha trong vòng 5 phút.
2. Đun sôi nước sạch trong 5 phút, để nguội dần xuống 40 độ C trước khi pha.
3. Pha theo bảng hướng dẫn và sử dụng muỗng lường có sẵn trong lon.
4. Đậy nắp, lắc đều dụng cụ để tan hoàn toàn. Để nguội đến nhiệt độ thích hợp rồi sử dụng.

Số tuổi	Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần/ngày
1 – 3 tuổi	4	200	4
3 – 10 tuổi	5	250	4

Thận trọng: pha xong dùng ngay. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Đổ bỏ phần thừa sau mỗi lần uống.

Chú ý: “Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh”. Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế.

6. Hướng dẫn sử dụng:

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh.

7. Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

8. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

8.1. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy trắng bạc, thìa nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

8.2. Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp;

Hưng Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Phương





KT: 39.9 x 16.2 cm (Lon cao 16.2cm)

THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC

Belmi GOLOSTRUM PEDIA

HIMO

TĂNG CƯỜNG HỆ MIỄN DỊCH
GIÚP THỂ DẪN MẮT THU DƯỠNG CHẤT & HỖ TRỢ HỆ TIÊU HÓA, CHỐNG TẠO BÓN

GIỚI THIỆU AN NGON, TĂNG CÁN HIỆU QUẢ

BỘ SƯNG DƯỠNG CHẤT TỰ NHẬT BẢN

36.000 mg

GIỚI THIỆU AN NGON

KLI 850g

BẢNG THÔNG TIN DINH DƯỠNG		NUTRITION FACTS	
ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG	ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG	INGREDIENTS	PER 100g
Đạm (Protein)	10.0g	Protein	10.0g
Chất béo (Fat)	5.0g	Oil	5.0g
Carbohydrate	10.0g	Carbohydrate	10.0g
Calories	100kcal	Calories	100kcal
...

Thương hiệu

Sản phẩm này được sản xuất theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo chất lượng và an toàn cho người dùng. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP của Nhật Bản.

Thành phần

Thành phần chính: Lactose, Protein, Vitamin, khoáng chất, chất xơ, chất béo, chất điện giải, chất chống oxy hóa, chất bảo quản tự nhiên.

Chỉ định

Chỉ định cho trẻ em từ 1 tuổi trở lên, người lớn, người già, người bệnh, người vận động thể thao, người làm việc nặng nhọc, người sống ở vùng khí hậu nóng ẩm, người sống ở vùng khí hậu lạnh.

Thông tin sản phẩm

Trọng lượng: 850g

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem ở đây

Địa chỉ phân phối: Xem ở đây

Hotline: 0968.207.698



BN: 220112-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2201255

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results



Tên mẫu / Sample name: Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Pedia
(Dành cho trẻ từ 1- 10 tuổi)

Khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ /Address : Thôn Đỗ Mỹ, Xã Bãi Sậy, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên

Mô tả mẫu /Sample description : Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín

Nền mẫu /Matrix : Sản phẩm dinh dưỡng Belimil Colostrum Pedia
(Dành cho trẻ từ 1- 10 tuổi)

Số lượng mẫu/ Number of sample: 01

Ngày nhận mẫu/Date of sample received : 12/01/2022

Ngày hẹn trả kết quả/ Date of results delivery: 20/01/2022



Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2201255	Arsen (As) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) ^(*)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M ₁	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018

BN: 220112-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2201255

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2201255	Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	<i>Enterobacteriaceae</i> (*)	KPH	10	CFU/g	ISO 21528 - 2:2017
	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i> (*) ^(b)	KPH	10	CFU/g	TCVN 4830 - 1:2005
	<i>L.monocytogenes</i>	KPH	-	/25g	ISO 11290-1:2017
	<i>Salmonella</i> (*)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/Note : Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên/ *The results only valid for the sample encoded as above*

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / *The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director*

- (*) Phương pháp được Vilas công nhận / *The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)*

- (a) Kết quả đo nhà thầu phụ thực hiện / *The parameters tested by subcontractor*

- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / *Lab approved by Ministry of Health*

- LOD: Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection.*

KPH : không phát hiện/ *Not detected*

Phụ trách phòng thí nghiệm

Officer in charge of laboratory



ThS. Nguyễn Thanh Tân



TS. Phạm Kim Phương

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN
CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Sản xuất kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em đến 36 tháng tuổi



PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN TƯỜNG

Số cấp: 57/2022/ATTP-CNDR

Có hiệu lực đến ngày 01 tháng 11 năm 2024

17-03-2022

Số: 31/Y...Quyển: C7...TP/SCT/SGT

Hưng Yên, ngày 11 tháng 11 năm 2022

CHI CỤC TRƯỞNG



Đỗ Mạnh Hùng

